TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 164/2023/DS-PT Ngày: 07 – 9 – 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2023/QĐ-PT ngày 03/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐ-HPT ngày 18/7/2023 và Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 651/TB-TA ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị Ngọc H, sinh năm: 1996; cư trú tại số F T, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Anh Trần Kim D, sinh năm: 1986, là người đại diện theo ủy quyền; cư trú tại số F T, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2022). Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm: 1989; cư trú tại số H T, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Viết D1, sinh năm: 1958, là người đại diện theo ủy quyền; cư trú tại số B L, tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2022). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Kim D, sinh năm: 1986; cư trú tại số F T, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Đinh Viết D2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H; cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

Vào ngày 12/3/2021 chị Lương Thị Ngọc H có cho anh Nguyễn Mạnh T vay số tiền 1.000.000.000đ để anh T lấy vốn làm ăn. Khi vay hai bên thỏa thuận thời gian vay là 01 tháng và lãi suất là 01%/tháng. Sau khi chị H giao đủ tiền vay cho anh T thì anh T đã viết, ký và điểm chỉ vào giấy cho vay tiền theo mẫu soạn sẵn rồi giao cho chị H giữ. Ngoài ra, vào ngày 10/8/2021, chị H còn cho anh T vay thêm số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày 10/8/2021, lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Sau khi nhận đủ tiền thì anh T đã điền vào giấy cho vay tiền và ký, điểm chỉ dưới mục bên vay trong giấy này rồi giao cho chị H giữ. Tuy nhiên, mức lãi suất 01%/tháng trong hai lần vay này thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không ghi vào giấy cho vay tiền. Sau đó, đến thời hạn trả nợ nhưng anh T không trả khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù chị H có đòi nhiều lần. Số tiền chị H cho anh T vay thì là tiền chung của vợ chồng chị H nhưng việc làm ăn của hai vợ chồng riêng.

Vì vậy, nay chị H yêu cầu anh Nguyễn Mạnh T phải trả cho chị số tiền gốc 1.000.000.000đ, tiền lãi là 190.900.000đ của khoản vay ngày 12/3/2021 (mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 12/4/2021 đến ngày 10/3/2023) và số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi 70.550.000đ của khoản vay ngày 10/8/2021 (mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày 10/3/2023). Tổng cộng là 1.761.450.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Mạnh T; cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Viết D1:

Anh Nguyễn Mạnh T không quen biết, không có quan hệ gì với chị Lương Thị Ngọc H nên không lần nào vay tiền của chị H như anh D vừa trình bày. Anh T không ký, ghi họ tên hay điểm chỉ vào 02 giấy cho vay tiền này mà giấy này là do chị Hiền t làm ra. Vì vậy, anh T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị H, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Kim D:

Anh là chồng của chị Lương Thị Ngọc H, khoản tiền chị H cho anh Nguyễn Mạnh T vay là tiền chung của vợ chồng anh nhưng vợ chồng anh làm ăn riêng,

việc chị H cho anh T vay tiền là quan hệ làm ăn của chị H, anh không tham gia. Nay, anh cũng thống nhất với yêu cầu của chị H là buộc anh T phải cho trả chị H số tiền 1.000.000.000đ gốc còn nợ và tiền lãi là 140.000.000đ của khoản vay ngày 12/3/2021; 500.000.000đ tiền gốc và 55.000.000đ tiền lãi của khoản vay ngày 10/8/2021. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.695.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H với bị đơn anh Nguyễn Mạnh T.

Buộc anh Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lương Thị Ngọc H số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ và 35.000.000đ tiền lãi, tổng cộng là 1.535.000.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H đối với yêu cầu buộc bị đơn anh Nguyễn Mạnh T phải trả 226.450.000đ tiền nợ lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/5/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Viết D2 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Viết D1 vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Mạnh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Kim D không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Mạnh T; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn chị Lượng Thị Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Mạnh T trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ, tiền lãi là 190.900.000đ của khoản vay ngày 12/3/2021 và số tiền nợ gốc 500.000.000đ, tiền lãi 70.550.000đ của khoản vay ngày 10/8/2021; tổng cộng là 1.761.450.000đ. Còn bị đơn anh Nguyễn Mạnh T không đồng ý với lý do không có vay mượn tiền của chị H1 nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp

sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Mạnh T thấy rằng:

[2.1] Theo "Giấy cho vay tiền" ngày 12/3/2021 thể hiện nội dung: Anh Nguyễn Mạnh T có vay của chị Lương Thị Ngọc H số tiền 1.000.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 01 (một) tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 12/4/2021. Giấy vay tiền trên có chữ ký xác nhận của bên cho vay Lương Thị Ngọc H, bên vay là Nguyễn Mạnh T, người làm chứng là Trần Kim D.

Theo "Giấy cho vay tiền" ngày 10/8/2021 thể hiện nội dung: Anh Nguyễn Mạnh T có vay của chị Lương Thị Ngọc H số tiền 500.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 (hai) tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 10/10/2021. Giấy vay tiền trên có chữ ký xác nhận của bên cho vay Lương Thị Ngọc H, bên vay là Nguyễn Mạnh T, người làm chứng là Trần Kim D.

[2.2] Anh T cho rằng không có vay mượn tiền của chị H theo 02 giấy cho mượn tiền ngày 12/3/2021, ngày 10/8/2021 và chữ viết, chữ ký tại 02 giấy mượn tiền trên cũng không phải của anh T. Theo Kết luận giám định số 988/KL-KTHS ngày 26/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận "*Chữ ký, chữ viết dưới mục Bên vay trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Mạnh T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra*".

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh T là ông Đinh Viết D1 thừa nhận anh T là người ký vào 02 giấy cho mượn tiền trên, nhưng anh T chưa nhận khoản tiền vay này từ chị H. Lời trình bày trên của anh T và người đại diện theo ủy quyền có sự mâu thuẫn và cả anh T, ông D1 đều không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh D không thừa nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy cho mượn tiền ngày 12/3/2021, ngày 10/8/2021 và Kết luận giám định trên để buộc anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về lãi suất: Theo 02 "Giấy cho vay tiền" ngày 12/3/2011, ngày 10/8/2021 đều không thể hiện lãi suất; chị H cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói; anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi từ ngày 12/4/2021 đến ngày 13/4/2023 đối với số tiền gốc 1.000.000.000đ và tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày 11/4/2023 đối với số tiền gốc 500.000.000đ. Còn anh T cho rằng các bên không có thỏa thuận lãi suất vay. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015 để áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng với tổng số tiền lãi 273.900.000đ trên số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ là phù hợp. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh D chỉ yêu cầu trả số tiền lãi 35.000.000đ là ít hơn số tiền lãi theo quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi suất trên của chị H là có lợi cho ông T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Mạnh T xuất trình 01 đơn đề nghị xác minh sao kê giao dịch có liên quan đến chuyển tiền cho anh Trần Kim D. Tuy nhiên, anh D cho rằng đây là số tiền anh T thanh toán cho khoản nợ với anh trong các khoản vay khác, không phải chuyển trả để cấn trừ số tiền nợ chị H đang tranh chấp và không đồng ý cấn trừ trong vụ án này. Do vậy, nếu các bên có tranh chấp liên quan đến số tiền anh T chuyển cho anh D thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh T. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" của nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H với bị đơn anh Nguyễn Mạnh T.

Buộc anh Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lương Thị Ngọc H số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ và 35.000.000đ tiền lãi, tổng cộng là 1.535.000.000đ (*Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H đối với yêu cầu buộc bị đơn anh Nguyễn Mạnh T phải trả số tiền nợ lãi 226.450.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Mạnh T phải thanh toán cho chị Lương Thị Ngọc H số tiền 4.680.000đ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 58.050.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Lương Thị Ngọc H số tiền 23.100.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005070 ngày 23/5/2022 và số tiền

13.100.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005216 ngày 27/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

- Về án phí phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005743 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Ông T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Bảo Lộc;
- CCTHADS Tp. Bảo Lộc;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Tâm